

---- *** ----



Số: 08 /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần LILAMA 3)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2005/QH11, ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 3
- Căn cứ Biên bản họp số 02/BB-HĐQT ngày 16 tháng 03 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 3;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần LILAMA 3.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản của Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần LILAMA 3 trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên Ban TGD;
- Các đơn vị LILAMA 3;
- Lưu HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Kim Lân

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 03 năm 2016 Của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 3)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty cổ phần LILAMA 3 và cổ đông Công ty.

Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 151/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được quy định tại Luật Chứng khoán và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính, các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty cổ phần LILAMA 3.
2. Tổng giám đốc là Tổng giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 3.

Điều 3. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

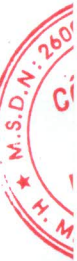
2. Việc công bố thông tin phải do Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được uỷ quyền công bố thông tin, Công ty phải đăng ký một (01) người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính. Trường hợp thay đổi người được uỷ quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) ít nhất 24 giờ trước khi có sự thay đổi.

Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Tổng giám đốc hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

3. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.

4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử



(qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản.

5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam phải là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

6. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.

7. Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

1.1. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (Website) và các ấn phẩm khác của Công ty cổ phần LILAMA 3;

1.2. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

1.3. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

1.4. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;

1.5. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Công ty lập trang thông tin điện tử trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng. Trang thông tin điện tử có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó có công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo bạch và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông

tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 5. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Điều 6. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty đại chúng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan. Nội dung cụ thể như sau:

1.1. Báo cáo tài chính năm của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trường hợp

Báo cáo tài chính năm lập theo đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ thì Công ty phải công bố đồng thời Báo cáo tài chính năm bằng đồng ngoại tệ và Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam phải có ý kiến xác nhận của tổ chức kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm bằng ngoại tệ được quy đổi về tỷ giá quy đổi và tính chính xác của việc quy đổi;

1.2. Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo;

1.3. Báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

2. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không quá một trăm hai mươi (120) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo bán niên

3.1. Công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

3.2. Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên trang thông tin điện tử Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

3.3. Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Báo cáo quý

Công ty công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Nội dung cụ thể như sau:

4.1. Báo cáo tài chính quý của Công ty bao gồm các báo cáo theo quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 6 Quy chế này;

4.2. Trường hợp Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó.

4.3. Công ty phải công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

5. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

6. Báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, cụ thể như sau:

6.1. Định kỳ sáu (06) tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

6.2. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm 3.1 Điều này trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

7. Hợp Đại hội đồng cổ đông

7.1. Công ty phải công bố thông tin định kỳ về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

7.2. Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, bao gồm: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày.

8. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

Trường hợp Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty phải công bố thông tin về lý do và Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 7. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;

n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công ty phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục.

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 8. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các sự kiện sau đây:

1.1. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

1.2. Có thông tin liên quan đến công ty đại chúng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục.

Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải báo cáo về sở hữu cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục V kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính cho Công ty, UBCKNN, SGDCK.

3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính như sau:

3.1. Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;

3.2. Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;

3.3. Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu: thời điểm được tính kể từ lúc Công ty hoàn thành đợt chào bán.

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

1. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu /quyền mua cổ phiếu ...) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục VIII và Phụ lục IX kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu theo Phụ lục X và Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.

4. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

5. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

Điều 11: Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2016 và thay thế các quy chế trước đây về công bố thông tin.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các cổ đông Công ty cổ phần LILAMA 3, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Kim Lân